

Bản án số: 82/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 18-10-2018

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mãnh

2. Bà Chung Kim Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bích H (Tên gọi khác: P), sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T1, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Đinh Văn T (Tên gọi khác: N1), sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường M, khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Chị và anh T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/4/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khi chị mang thai

khoảng 04 tháng thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống H ngày vợ chồng hay cự cãi nhau, nguyên nhân là do anh T thiếu trách nhiệm, thường xuyên nhậu nhẹt. Đầu năm 2012, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, sinh con và sống ly thân với anh T, trong thời gian này anh T có tới lui thăm chị và con được vài lần.

Đến khoảng năm 2013 vì chị muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và muốn con có được tình yêu thương đầy đủ của cha mẹ nên chị về bên gia đình anh T tiếp tục chung sống. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ ở với nhau được khoảng 03 tháng thì lại tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không có trách nhiệm với vợ, con, không sửa đổi tính tình. Khoảng tháng 9 năm 2015, chị chính thức sống ly thân với anh T cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 01 người con chung tên Đinh Văn T2, sinh ngày 22/4/2012 hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh T không tạo lập được tài sản chung và không phát sinh nợ chung.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh T vì vợ chồng không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống được nữa.

Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đinh Văn T2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đinh Văn T là bị đơn không nộp bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Đinh Văn T. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đinh Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Anh Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét nội dung đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích H:* Chị H và anh T kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 06/4/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Theo chị H khai quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, không thể tự hàn gắn được và anh, chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 cho đến nay.

Đối với anh T, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập mời làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng đến nay anh T không nộp bản tự khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và Tòa án cũng không tiến hành lấy lời khai được. Xét thấy anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng việc chị H khai cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân khoảng 03 năm nay, như vậy giữa hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hôn nhân giữa chị H và anh T không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Do đó có cơ sở để cho rằng tình trạng hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 người con chung tên Đinh Văn T2, sinh ngày 22/4/2012. Chị H yêu cầu được nuôi cháu T2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T2 do chị H trực tiếp nuôi dưỡng ổn định từ trước đến nay, việc chăm sóc, giáo dục đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó, căn cứ vào Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu T2 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **anh T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **anh T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **chị H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **anh T**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004784 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, chị H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Văn T2, sinh ngày 22/4/2012 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **anh T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **anh T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **chị H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **anh T**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp (do Đào Văn Giang nộp thay) theo biên lai thu số 0004784 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/10/2018). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp R;
- THADS Tp R;
- **UBND thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Tất Ngọc Trân